

Số: /QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày tháng 01 năm 2023

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Phân bổ biên chế công chức trong cơ quan quản lý nhà nước
và biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập
trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai năm 2023**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý và phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân bổ biên chế công chức trong cơ quan của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù và Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ biên chế công chức trong cơ quan quản lý nhà nước thuộc Sở Y tế Đồng Nai năm 2023 là 76 biên chế (theo phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Phân bổ số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế Đồng Nai năm 2023 là 4.222 (theo Phụ lục II và Phụ lục III đính kèm).

Điều 3. Giao Phòng Kế hoạch Tài chính Sở Y tế có trách nhiệm tham mưu cho Sở Y tế phân bổ kinh phí theo số chỉ tiêu nêu trên cho các đơn vị theo quy định.

Điều 4. Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế có trách nhiệm:

1. Căn cứ chỉ tiêu được phân bổ, ban hành quyết định phân bổ số biên chế công chức, số người làm việc, trong đó xây dựng các phụ lục phân bổ chi tiết cụ thể cho từng khoa, phòng và tương đương thuộc đơn vị gửi về Sở Y tế trước ngày 30/01/2022 để theo dõi.

2. Căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân sự theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Sở Y tế; Trưởng các phòng chuyên môn Sở Y tế; Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế Đồng Nai; Các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 5;
- BGĐ Sở Y tế;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quang Trung

PHỤ LỤC I

**PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
THUỘC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI NĂM 2023**

DỰ THẢO

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng năm 2023 của Sở Y tế Đồng Nai)

STT	Tên đơn vị	Biên chế phân bổ đầu năm 2023	Ghi chú
1	Sở Y tế	44	
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	18	
3	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	14	
Tổng cộng		76	

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng 01 năm 2023 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

STT	Đơn vị	Số người làm việc phân bổ cho các đơn vị đầu năm 2023
1	2	3
1	Bệnh viện Da Liễu	78
2	Bệnh viện Phổi	151
3	Bệnh viện Y dược cổ truyền	135
4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	287
5	Trung tâm Kiểm nghiệm	32
6	Trung tâm Giám định y khoa	20
7	Trung tâm Pháp y	18
8	Trung tâm y tế thành phố Biên Hòa	449
9	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu	385
10	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	396
11	Trung tâm y tế huyện Thống Nhất	274
12	Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc	438
13	Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	360
14	Trung tâm y tế huyện Tân Phú	359
15	Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	292
16	Trung tâm y tế huyện Định Quán	205
17	Trung tâm y tế huyện Long Thành	179
18	Trung tâm y tế thành phố Long Khánh	164
	Tổng cộng:	4,222

PHỤ LỤC III
DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC
CÁC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng 01 năm 2023 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

ST T	Đơn vị	Số người làm việc phân bổ cho các đơn vị đầu năm 2023				Ghi chú
		Tổng số người làm việc phân bổ cho các đơn vị đầu năm 2023	Trong đó:			
			Hệ điều trị	Hệ dự phòng và dân số	Trạm y tế (trong đó có chuyên trách dân số KHHGD)	
1	2	3	4	5	6	7
1	Trung tâm y tế thành phố Biên Hòa	449	137	59	253	
2	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu	385	228	42	115	
3	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom	396	196	46	154	
4	Trung tâm y tế huyện Thống Nhất	274	133	40	101	
5	Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc	438	235	55	148	
6	Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	360	193	52	115	
7	Trung tâm y tế huyện Tân Phú	359	166	51	142	
8	Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	292	169	29	94	
9	Trung tâm y tế huyện Định Quán	205		61	144	
10	Trung tâm y tế huyện Long Thành	179		59	120	
11	Trung tâm y tế thành phố Long Khánh	164		48	116	
	Tổng cộng:	3,501	1,457	542	1,502	

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3720/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phân bổ biên chế công chức trong cơ quan của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù và Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị tỉnh năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 ngày 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026.

Căn cứ Quyết định số 925-QĐ/TU ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế tỉnh Đồng Nai năm 2023.

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh quyết định biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4924/TTr-SNV ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Công văn số 5060/SNV-QLBC&CCVC ngày 29 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ biên chế công chức trong cơ quan của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh là 2.980 chỉ tiêu (Phụ lục I đính kèm).

Điều 2. Phân bổ biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 38.414 chỉ tiêu (Phụ lục II đính kèm).

Điều 3. Phân bổ biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên là 539 chỉ tiêu (Phụ lục III đính kèm).

Điều 4. Phân bổ số người làm việc trong các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh là 356 chỉ tiêu (Phụ lục IV đính kèm).

Điều 5. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm phân bổ kinh phí theo số chỉ tiêu nêu trên cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh, người đứng đầu các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

1. Căn cứ số chỉ tiêu phân bổ, ban hành Quyết định phân bổ tổng số biên chế công chức, số người làm việc, trong đó xây dựng các phụ lục phân bổ chi tiết cho từng phòng, ban, chi cục, đơn vị trực thuộc gửi về Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) **trước ngày 31/01/2023** để theo dõi.

2. Căn cứ chỉ tiêu biên chế được giao thực hiện hoặc hướng dẫn đơn vị trực thuộc thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân sự theo quy định.

Điều 7. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm

1. Theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý số chỉ tiêu được phân bổ và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh cắt giảm biên chế theo lộ trình quy định.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 9. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa, người đứng đầu các tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

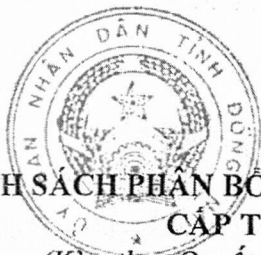
- Như Điều 9;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh (KGVX);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐTT, KGVX.

E/Hài-VX/12.2022

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng



PHỤ LỤC I
DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA UBND
CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 3720 /QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG	2,980	
A	CẤP TỈNH	1,414	
I	Ủy ban nhân dân tỉnh	5	
1	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh	5	
II	Khối sở, ban, ngành	1,409	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	64	
2	Sở Tài chính	80	
3	Sở Y tế	76	
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	81	
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51	
6	Sở Công thương	55	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	56	
8	Sở Ngoại vụ	26	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	248	
10	Sở Nội vụ	85	
11	Thanh tra tỉnh	35	
12	Sở Giao thông vận tải	109	
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	63	
14	Sở Tư pháp	35	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	46	
16	Sở Xây dựng	66	
17	Sở Thông tin và Truyền thông	30	

18	Sở Tài nguyên và Môi trường	104	
19	Ban Dân tộc	18	
20	Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học	21	
21	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	60	
B	CẤP HUYỆN	1,566	
1	Thành phố Biên Hòa	196	
2	Huyện Định Quán	134	
3	Huyện Cẩm Mỹ	131	
4	Thành phố Long Khánh	138	
5	Huyện Long Thành	151	
6	Huyện Nhơn Trạch	134	
7	Huyện Tân Phú	125	
8	Huyện Thống Nhất	139	
9	Huyện Trảng Bom	151	
10	Huyện Vĩnh Cửu	134	
11	Huyện Xuân Lộc	133	



PHỤ LỤC III
DANH SÁCH PHÂN BỐ VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU SỰ
NGHIỆP ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ ĐẢM BẢO MỘT
PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Biên chế viên chức phân bổ năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
	Tổng cộng	539	
I	Khối trực thuộc UBND tỉnh	399	
1	Trường Đại học Đồng Nai	200	
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật	30	
3	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	149	
4	Trường Cao đẳng Y tế	20	
II	Khối trực thuộc sở, ban, ngành	68	
1	Sở Giao thông vận tải	15	
2	Sở Công Thương	14	
3	Sở Thông tin và Truyền thông	29	
4	Nhà Thiếu nhi tỉnh	10	
III	Khối trực thuộc UBND cấp huyện	72	
1	Thành phố Long Khánh	14	
2	Huyện Cẩm Mỹ	7	
3	Huyện Nhơn Trạch	10	
4	Huyện Tân Phú	3	
5	Huyện Thống Nhất	11	
6	Huyện Trảng Bom	9	
7	Huyện Xuân Lộc	18	



PHỤ LỤC II
DANH SÁCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
*** TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2023**
(Kèm theo Quyết định số 3720 /QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4
1	Trường Đại học Đồng Nai	369	
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật	73	
3	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	94	
4	Trường Cao đẳng Y tế	73	
5	Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa	260	
6	Nhà Thiếu nhi	17	
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	289	
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	200	
9	Sở Giao thông vận tải	56	
10	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	195	
11	Văn phòng UBND tỉnh	28	
12	Sở Công Thương	27	

13	Sở Tư pháp	31	
14	Sở Nội vụ	15	
15	Sở Thông tin và Truyền thông	29	
16	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	10	
17	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	18	
19	Sở Y tế	4,222	
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	3,899	
20	Thành phố Biên Hòa	6,860	
21	Thành phố Long Khánh	1,707	
22	Huyện Cẩm Mỹ	1,937	
23	Huyện Định Quán	2,528	
24	Huyện Long Thành	2,070	
25	Huyện Nhơn Trạch	2,105	
26	Huyện Tân Phú	2,211	
27	Huyện Thống Nhất	1,887	
28	Huyện Trảng Bom	2,751	

29	Huyện Vĩnh Cửu	1,639	
30	Huyện Xuân Lộc	2,814	
Tổng		38,414*	

*Tổng số biên chế viên chức phân bổ đã bao gồm 805 chỉ tiêu biên chế để bổ sung cho sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập đến hết năm học 2022-2023



PHỤ LỤC III
DANH SÁCH PHÂN BỐ VIÊN CHỨC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU SỰ
NGHIỆP ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ ĐẢM BẢO MỘT
PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 3720/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Biên chế viên chức phân bổ năm 2023	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
	Tổng cộng	539	
I	Khối trực thuộc UBND tỉnh	399	
1	Trường Đại học Đồng Nai	200	
2	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật	30	
3	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	149	
4	Trường Cao đẳng Y tế	20	
II	Khối trực thuộc sở, ban, ngành	68	
1	Sở Giao thông vận tải	15	
2	Sở Công Thương	14	
3	Sở Thông tin và Truyền thông	29	
4	Nhà Thiếu nhi tỉnh	10	
III	Khối trực thuộc UBND cấp huyện	72	
1	Thành phố Long Khánh	14	
2	Huyện Cẩm Mỹ	7	
3	Huyện Nhơn Trạch	10	
4	Huyện Tân Phú	3	
5	Huyện Thống Nhất	11	
6	Huyện Trảng Bom	9	
7	Huyện Xuân Lộc	18	



Phụ lục IV

**DANH SÁCH PHÂN BỐ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ
VÀ LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ TỈNH NĂM 2023**
(Kèm theo Quyết định số 3720 /QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Năm 2023
Tổng cộng		356
I	Cấp tỉnh	114
1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi tỉnh Đồng Nai	6
2	Hội Cựu Thanh niên xung phong tỉnh Đồng Nai	6
3	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày tỉnh Đồng Nai	6
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh Đồng Nai	14
5	Hội Khuyến học tỉnh Đồng Nai	8
6	Hội Luật gia tỉnh Đồng Nai	5
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh Đồng Nai	6
8	Hội Người mù tỉnh Đồng Nai	7
9	Hội Nhà báo tỉnh Đồng Nai	4
10	Hội Sinh viên tỉnh Đồng Nai	3
11	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Đồng Nai	10
12	Liên hiệp các Hội khoa học Kỹ thuật tỉnh Đồng Nai	9
13	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Đồng Nai	15
14	Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai	15
II	Cấp huyện	242
1	Thành phố Biên Hòa	22
1.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Biên Hòa	3
1.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày thành phố Biên Hòa	3
1.3	Hội Chữ thập đỏ thành phố Biên Hòa	5
1.4	Hội Khuyến học thành phố Biên Hòa	4
1.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin thành phố Biên Hòa	3
1.6	Hội Người mù thành phố Biên Hòa	4
2	Thành phố Long Khánh	22
2.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi thành phố Long Khánh	3
2.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày thành phố Long Khánh	3
2.3	Hội Chữ thập đỏ thành phố Long Khánh	5
2.4	Hội Khuyến học thành phố Long Khánh	4
2.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin thành phố Long Khánh	3

2.6	Hội Người mù thành phố Long Khánh	4
3	Huyện Cẩm Mỹ	22
3.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Cẩm Mỹ	3
3.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Cẩm Mỹ	3
3.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Cẩm Mỹ	5
3.4	Hội Khuyến học huyện Cẩm Mỹ	4
3.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Cẩm Mỹ	3
3.6	Hội Người mù huyện Cẩm Mỹ	4
4	Huyện Định Quán	22
4.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Định Quán	3
4.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Định Quán	3
4.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Định Quán	5
4.4	Hội Khuyến học huyện Định Quán	4
4.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Định Quán	3
4.6	Hội Người mù huyện Định Quán	4
5	Huyện Long Thành	22
5.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Long Thành	3
5.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Long Thành	3
5.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Long Thành	5
5.4	Hội Khuyến học huyện Long Thành	4
5.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Long Thành	3
5.6	Hội Người mù huyện Long Thành	4
6	Huyện Nhơn Trạch	22
6.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Nhơn Trạch	3
6.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Nhơn Trạch	3
6.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Nhơn Trạch	5
6.4	Hội Khuyến học huyện Nhơn Trạch	4
6.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Nhơn Trạch	3
6.6	Hội Người mù huyện Nhơn Trạch	4
7	Huyện Tân Phú	22
7.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Tân Phú	3
7.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Tân Phú	3
7.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Tân Phú	5
7.4	Hội Khuyến học huyện Tân Phú	4
7.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Tân Phú	3
7.6	Hội Người mù huyện Tân Phú	4
8	Huyện Thống Nhất	22
8.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Thống Nhất	3
8.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đày huyện Thống Nhất	3

8.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Thống Nhất	5
8.4	Hội Khuyến học huyện Thống Nhất	4
8.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Thống Nhất	3
8.6	Hội Người mù huyện Thống Nhất	4
9	Huyện Trảng Bom	22
9.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Trảng Bom	3
9.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy huyện Trảng Bom	3
9.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Trảng Bom	5
9.4	Hội Khuyến học huyện Trảng Bom	4
9.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Trảng Bom	3
9.6	Hội Người mù huyện Trảng Bom	4
10	Huyện Vĩnh Cửu	22
10.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Vĩnh Cửu	3
10.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy huyện Vĩnh Cửu	3
10.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Vĩnh Cửu	5
10.4	Hội Khuyến học huyện Vĩnh Cửu	4
10.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Vĩnh Cửu	3
10.6	Hội Người mù huyện Vĩnh Cửu	4
11	Huyện Xuân Lộc	22
11.1	Ban Đại diện Hội Người cao tuổi huyện Xuân Lộc	3
11.2	Hội Chiến sĩ Cách mạng bị địch bắt tù đầy huyện Xuân Lộc	3
11.3	Hội Chữ thập đỏ huyện Xuân Lộc	5
11.4	Hội Khuyến học huyện Xuân Lộc	4
11.5	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin huyện Xuân Lộc	3
11.6	Hội Người mù huyện Xuân Lộc	4